



SGP The GEF  
Small Grants  
Programme



# CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHO PHÁT TRIỂN SINH KẾ CỘNG ĐỒNG

(TỪ THỰC TIỄN ĐẾN KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH)



# TÓM TẮT

Từ năm 2012, hằng năm tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) chi trả hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư khá lớn nhưng ít được đầu tư lại cho phát triển sản xuất để tạo sinh kế bền vững. Khi khả năng tiếp cận các nguồn vốn rất hạn chế thì tiền chi trả DVMTR là một nguồn kinh phí tiềm năng để cộng đồng có thể huy động vào phát triển sản xuất thông qua Quỹ phát triển sinh kế cộng đồng (Quỹ PTSKCD). Kinh nghiệm ở nhiều nơi về sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng cho phát triển sản xuất thông qua Quỹ PTSKCD cho thấy nhiều kết quả tích cực nhưng cũng xuất hiện một số vấn đề liên quan đến tính pháp lý của Quỹ PTSKCD; huy động, sử dụng tiền DVMTR đầu tư vào phát triển sản xuất thông qua Quỹ PTSKCD cần phải được tiếp tục làm rõ và tháo gỡ, do đó, những khuyến nghị về chính sách đối với địa vị pháp lý của Quỹ PTSKCD và huy động tiền DVMTR cho phát triển sinh kế là rất cần thiết và được đề cập trong bài viết này.

## 1 GIỚI THIỆU

Ngày 10 tháng 4 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 380/QĐ-TTg về chính sách thí điểm chi trả DVMTR. Sau 2 năm thực hiện thí điểm tại 2 tỉnh Lâm Đồng và Sơn La, chính sách được tổng kết, đánh giá làm cơ sở để Chính phủ ban hành Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 về Chính sách chi trả DVMTR (Nghị định 99/2010-NĐ-CP). Trong quá trình thực hiện, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 2 tháng 11 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2010/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn thực hiện được các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính ban hành.

Chi trả DVMTR là một chính sách lớn, đáp ứng nhu cầu thực tiễn; được các cấp chính quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân đồng tình ủng hộ và thực hiện; nhân dân hưởng ứng và tham gia mạnh mẽ. Chính sách nhanh đi vào cuộc sống và đạt được những thành tựu được ghi nhận, đưa chi trả DVMTR là một trong 10 thành tựu nổi bật nhất của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn trong giai đoạn 2011-2015 (Lê Thủy, 2015) và tiếp tục giữ vững là một trong những lĩnh vực hàng đầu của ngành lâm nghiệp. Kết quả cụ thể của chi trả DVMTR là tạo ra khung pháp lý để huy động các nguồn lực xã hội bền vững cho bảo vệ và phát triển rừng; bình quân hàng năm thu được trên 1.500 tỷ đồng chiếm 23% tổng đầu tư toàn xã hội cho ngành lâm nghiệp để chi trả cho chủ rừng và hộ nhận khoán bảo vệ rừng. Năm 2018 đã có 101.374 chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; 29.947 hộ nhận khoán bảo vệ rừng được chi trả 1.379 tỷ đồng để quản lý và bảo vệ có hiệu quả 3.525.000 ha rừng chiếm 43% tổng diện tích rừng được hưởng DVMTR (TCLN, 2019); góp phần tăng tỷ lệ che phủ rừng của cả nước bình quân hàng năm là 0,2%, năm 2017 đạt 41,45% (Bộ NN&PTNT, 2018), năm 2018 đạt 41,65% (Bộ NN&PTNT, 2018).

Trong 7 năm (2012-2018), tổng số tiền chi trả cho hộ gia đình, nhóm hộ và cộng đồng dân cư là 5.366 tỷ đồng, trong đó 1.824 tỷ đồng cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư là chủ rừng; 3.342 tỷ đồng cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng. Bình quân mỗi năm chi trả 766 tỷ đồng cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư (TCLN, 2019).

Thu nhập từ chi trả DVMTR có tỷ trọng rất đáng kể khi so sánh với thu nhập từ ngành nghề lâm nghiệp của các hộ gia đình: bằng 65,71% - 297,41% đối với các hộ vùng miền núi Tây Bắc, Tây Nguyên; bằng 103,48% - 230,74% đối với các hộ nghèo và cận nghèo. Điều này cho thấy chi trả DVMTR có ý nghĩa to lớn và thiết thực đối với thu nhập của các hộ gia đình nghèo, cận nghèo và các hộ gia đình làm nghề rừng vùng núi cao (Bộ NN&PTNT và khác, 2019).

Tuy nhiên, các hộ gia đình, nhóm hộ và cộng đồng dân cư sử dụng tiền nhận được từ chi trả DVMTR ước tính theo cơ cấu sau:

- Khoảng 70% dùng cho chi tiêu sinh hoạt trong gia đình như mua lương thực, thực phẩm, đồ dùng sinh hoạt, chữa bệnh.
- 20% cho bảo vệ rừng chung của cộng đồng như chi trả cho tuần tra rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng;

- 10% đầu tư cho sản xuất như xây dựng quỹ sinh kế để hỗ trợ nhau làm vốn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp; xây dựng nhà văn hóa, sửa chữa các công trình công cộng, đóng góp vào Quỹ phòng chống thiên tai, vệ sinh môi trường, khuyến học ...

Mặc dù tỷ lệ rất thấp của tiền DVMTR cho đầu tư phát triển sinh kế nhưng đã có nhiều ví dụ sinh động và điển hình là những thực tiễn tốt được trình bày tại mục 3.

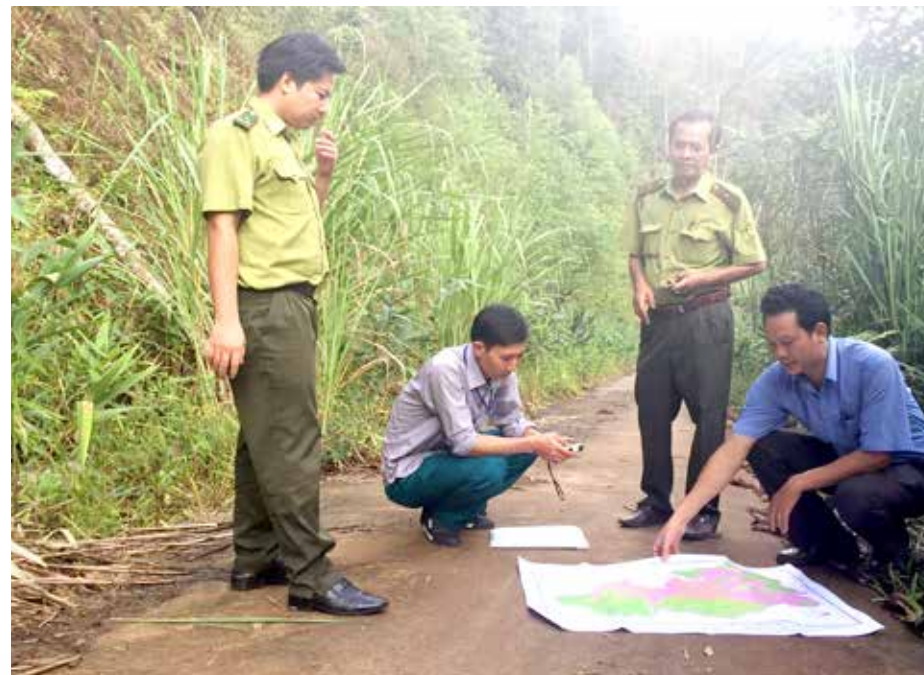
Các hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng dân cư ít hoặc không sử dụng tiền DVMTR đầu tư cho phát triển sản xuất để tạo thu nhập tăng thêm do nhiều nguyên nhân khác nhau như:

**Thứ nhất,** Do thu nhập bằng tiền mặt trong cơ cấu thu nhập của hộ gia đình chiếm tỷ lệ thấp, trong khi nhu cầu chi tiêu trong gia đình cao cho nên các hộ gia đình dùng tiền thu từ DVMTR cho chi tiêu đời sống và sinh hoạt; tương tự, phần lớn cộng đồng dân cư không có các nguồn thu nên tiền thu từ DVMTR cũng được cộng đồng ưu tiên cho các hoạt động chung như phát triển hạ tầng và sinh hoạt chung của cộng đồng.

**Thứ hai,** chính sách khoán bảo vệ rừng được thực hiện trong các chương trình phát triển lâm nghiệp, chương trình giảm nghèo đã và đang tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư có các nguồn thu bằng tiền mặt chủ yếu dùng cho chi tiêu đời sống và sinh hoạt giúp cho xóa đói trong một giai đoạn dài đã tạo ra một nếp suy nghĩ hoặc thói quen của hộ gia đình, cộng đồng dân cư dùng nguồn tiền này cho sinh hoạt đời sống hơn là đầu tư phát triển và tái sản xuất;

**Thứ ba,** các chương trình xóa đói, giảm nghèo trong một thời gian dài chủ yếu được thực hiện bằng các nguồn ngân sách nhà nước; mặc dù trong những năm gần đây, Chính phủ đã khuyến khích, phát huy nguồn lực và đóng góp của cộng đồng thông qua chương trình xây dựng nông thôn mới, nhiều mô hình phát triển sinh kế bền vững được thực hiện bằng chính sáng kiến, nguồn lực của cộng đồng, cá nhân và hộ gia đình ... nhưng vẫn chưa trở thành động lực để hộ gia đình, cộng đồng dân cư đầu tư nguồn lực rộng rãi, trong đó có nguồn từ DVMTR cho phát triển sản xuất, phát triển sinh kế bền vững;

**Thứ tư,** Nhà nước không quy định ràng buộc việc sử dụng các nguồn thu từ khoán bảo vệ rừng, dịch vụ môi trường rừng của hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, cộng đồng dân cư; việc sử dụng nguồn thu trên hoàn toàn do hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, cộng đồng dân cư tự quyết định, trong khi Nhà nước, các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa có hoặc có tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến cáo, hoặc cơ chế khuyến khích ở mức thấp, chưa đủ để người dân thay đổi nhận thức, có động lực sử dụng nguồn tiền trên cho phát triển sinh kế.



Từ những vấn đề trên, tài liệu Chi trả dịch vụ môi trường rừng cho phát triển sinh kế cộng đồng: Từ thực tiễn đến khuyến nghị chính sách được biên soạn nhằm mục đích phân tích khuôn khổ pháp lý, những kinh nghiệm từ thực tiễn, xác định các vấn đề, từ đó khuyến nghị chính sách để sử dụng tiền chi trả DVMTR đầu tư vào sản xuất phát triển sinh kế bền vững. Tài liệu được biên soạn trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, tổng hợp các tài liệu đã công bố chính thức của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; các báo cáo nghiên cứu liên quan đến dịch vụ môi trường rừng; báo cáo của các địa phương, các chương trình, dự án; kết quả khảo sát, phỏng vấn trực tiếp người dân tại các địa phương; kết quả hội thảo “Chia sẻ kinh nghiệm và kiến nghị sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho phát triển sinh kế cộng đồng” do Chương trình UNDP-GEF/SGP và Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức vào ngày 6 tháng 6 năm 2019 tại thành phố Huế.



## 2 KHUNG PHÁP LÝ CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRONG NƯỚC, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN ĐƯỢC CHI TRẢ VÀ SỬ DỤNG TIỀN DVMTR CHO PHÁT TRIỂN SINH KẾ BỀN VỮNG.

### 2.1 Quy định về địa vị pháp lý của hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư thôn được cung ứng DVMTR và được chi trả tiền DVMTR.

Hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư thôn là 2 trong 7 chủ rừng được quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 8 Luật Lâm nghiệp (Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, 2017). Cũng như các chủ rừng khác hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có quyền “Được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng” quy định tại khoản 4 Điều 73 Luật Lâm nghiệp. Như vậy, điểm mới của Luật Lâm nghiệp so với Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004 là cộng đồng dân cư thôn là chủ rừng có các quyền, trong đó có quyền cung ứng DVMTR và hưởng lợi từ DVMTR.

Hộ gia đình, cá nhân trong nước và cộng đồng dân cư thôn được trả tiền DVMTR với tư cách là chủ rừng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 63 Luật Lâm nghiệp, ngoài ra nếu hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng với chủ rừng là tổ chức do nhà nước thành lập như các Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng, Công ty lâm nghiệp nhà nước cũng được trả tiền DVMTR quy định điểm b khoản 1 Điều 63 Luật Lâm nghiệp.

Như vậy, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn có đầy đủ địa vị pháp lý để được trả tiền DVMTR với tư cách là chủ rừng hoặc hộ nhận khoán rừng với chủ rừng là tổ chức do nhà nước thành lập khi họ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ được quy định trong Luật Lâm nghiệp.

Tất cả các quy định trên được ghi trong Luật Lâm nghiệp 2017 là khung pháp lý cao nhất đảm bảo lợi ích của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn đối với chi trả DVMTR. Các quy định này đảm bảo tính thực tiễn và khả thi vì đã được xây dựng trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả, kinh nghiệm áp dụng trên phạm vi cả nước từ năm 2011 theo Nghị định 99/2010/NĐ-CP và Nghị định 147/2016/NĐ-CP.

### 2.2 Quy định hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư thôn được sử dụng tiền DVMTR.

Nhà nước quy định có tính chất ràng buộc việc sử dụng tiền thu từ DVMTR đối với chủ rừng là doanh nghiệp có tiền thu từ DVMTR như là một nguồn thu của doanh nghiệp và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính đối với doanh nghiệp được quy định tại điểm b

khoản 3 Điều 70 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (Nghị định 156/2018/NĐ-CP). Chủ rừng là các đơn vị sự nghiệp công lập như các Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng thì tiền thu từ DVMTR được quy định chặt chẽ hơn trong việc sử dụng, chẳng hạn như quy định cụ thể từng hạng mục chi, nội dung chi... (điểm c, d khoản 3 Điều 70 Nghị định 156/2018/NĐ-CP).

Khác với các chủ rừng trên, hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư thôn được sử dụng toàn bộ số tiền dịch vụ môi trường để quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống (điểm a khoản 3 Điều 70 Nghị định 156/2018/NĐ-CP). Như vậy, Nhà nước không quy định ràng buộc việc sử dụng tiền thu từ DVMTR đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư thôn vừa có ưu điểm và cả nhược điểm. Ưu điểm là giúp cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư chủ động sử dụng tiền cho bảo vệ và phát triển rừng và nâng cao đời sống... Nhưng cũng có những nhược điểm là vẫn theo cách tiếp cận truyền thống trước đây của các chương trình, dự án phát triển tiếp tục tạo ra một nếp suy nghĩ hoặc thói quen của hộ gia đình, cộng đồng dân cư dùng nguồn tiền này cho sinh hoạt đời sống hơn là đầu tư phát triển và tái sản xuất, cũng như chưa có các hướng dẫn, khuyến khích và tạo động lực cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng tiền DVMTR vào phát triển sinh kế như đã phân tích ở mục 1.



<sup>(1)</sup> Bao gồm: Vườn quốc gia; Khu dự trữ thiên nhiên; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh; Khu bảo vệ cảnh quan; Khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; Vườn thực vật quốc gia; Rừng giống quốc gia.

<sup>(2)</sup> “b) Chủ rừng là các doanh nghiệp: toàn bộ số tiền dịch vụ môi trường rừng nhận được là nguồn thu của doanh nghiệp, được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính đối với doanh nghiệp;”

<sup>(3)</sup> “a) Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được sử dụng toàn bộ số tiền dịch vụ môi trường rừng để quản lý bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống;”

## 2.3 Những quy định liên quan đến quỹ phát triển sinh kế cộng đồng.

Trong những năm gần đây, tại nhiều địa phương đang hình thành nhiều loại quỹ với hình thức và tên gọi khác nhau. Sự đa dạng về hình thức quỹ và lĩnh vực hoạt động có những tên gọi khác nhau, nhưng quỹ PTSKCD được nhiều cộng đồng đã, đang xây dựng. Hiện đang có khung pháp lý cơ bản tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư xây dựng quỹ PTSKCD.

Ngày 12 tháng 4 năm 2012, Chính phủ ban hành Nghị định số 30/2012/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện (Nghị định 30/2012/NĐ-CP). Căn cứ điều kiện cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, xã (điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định 30/2012/NĐ-CP). Như vậy, theo Nghị định 30/2012/NĐ-CP cộng đồng dân cư đủ điều kiện thành lập quỹ phát triển sinh kế cộng đồng hoạt động trong phạm vi cấp xã với mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển phát triển cộng đồng, không vì mục đích lợi nhuận (Điều 2).

Ngày 10 tháng 4 năm 2013, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 02/2013/TT-BNV quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 30/2012/NĐ-CP, trong đó quy định cụ thể thành lập các pháp nhân trực thuộc quỹ (Điều 3 Thông tư 02/2013/TT-BNV). Với quy định này, khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân trực thuộc, hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với điều lệ quỹ đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động (giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, giấy phép kinh doanh hoặc hình thức khác) thì Quỹ quyết định thành lập pháp nhân và thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP.



Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp xã được thể chế hóa bằng Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách tăng cường bảo vệ rừng (Thủ tướng Chính phủ, 2017) quy định tại khoản 2, 3 Điều 3: Những xã có rừng và có nguồn thu ngân sách địa phương cân đối, đảm bảo hỗ trợ cấp xã thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản hỗ trợ của chủ rừng khi khai thác, kinh doanh gỗ, lâm sản; các tổ chức, cá nhân kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái và các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước khác, các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật được thành lập quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp xã.

Việc chi quỹ phải có phương án quản lý và sử dụng Quỹ được cấp có thẩm quyền duyệt và chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước. Trong đó phải đảm bảo những nội dung chi cụ thể như sau: Xăng, dầu cho phương tiện tuần tra, kiểm tra rừng; Bồi dưỡng cho những người được huy động để ngăn chặn chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng; hỗ trợ cho những người được huy động để ngăn chặn

chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng; hỗ trợ cho những người được huy động tham gia ngăn chặn, chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật; Bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ, công tác kiêm nhiệm; Phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng; Hội nghị, hội thảo sơ tổng kết và công tác thi đua khen thưởng.



# 3 NHỮNG VÍ DỤ TỪ CỘNG ĐỒNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

## 3.1 Những ví dụ từ cộng đồng

Nhiều cộng đồng đã chủ động dùng một phần tiền DVMTR góp vào Quỹ PTSKCD để các hộ gia đình có cơ hội vay phát triển sản xuất như trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông lâm sản ... để tăng thu nhập, cải thiện đời sống từ đó giảm phụ thuộc vào rừng, rừng được bảo vệ tốt hơn. Do vậy, một chu trình phát triển đã được xác lập theo hướng thu nhập từ DVMTR được đầu tư vào sản xuất làm tăng thu nhập, giảm sự phụ thuộc và khai thác bất hợp pháp từ rừng để rừng được bảo vệ và phát triển tốt hơn từ đó thu nhập từ DVMTR tăng lên. Sau đây là những ví dụ điển hình được xem là những sáng kiến và kinh nghiệm về hình thành, phát triển và vận hành Quỹ PTSKCD cho phát triển sản xuất tại một số địa phương:

### 3.1.1 Những ví dụ từ cộng đồng

Quỹ PTSKCD xã Hương Nguyên được hình thành từ sáng kiến của người dân xã Hương Nguyên từ nguồn hỗ trợ ban đầu 284 triệu đồng của Dự án UNDP-GEF/SGP và huy động đóng góp của cộng đồng từ tiền chi trả DVMTR. Người dân thống nhất: tất cả 22 nhóm cộng đồng quản lý rừng, mỗi nhóm trích 1 triệu đồng từ tiền DVMTR để góp vào Quỹ PTSKCD xã Hương Nguyên đưa tổng số tiền lên 306 triệu. UBND huyện A Lưới ra quyết định thành lập Ban quản lý Quỹ PTSKCD xã Hương Nguyên (UBND huyện A Lưới, 2018). Người dân cùng xây dựng cơ chế vận hành: quy định về vay vốn, quy trình cho vay và thu hồi vốn, sử dụng tiền của quỹ. Với sự hỗ trợ của Dự án UNDP-GEF/SGP và Trung tâm phát triển nông thôn miền Trung Việt Nam (CRD). Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã Hương Nguyên là đơn vị đầu mối mở các lớp tập huấn; biên soạn, ban hành cuốn cẩm nang tổ chức, quản lý và vận hành Quỹ phát triển sinh kế cộng đồng; tổ chức thực hiện (Nguyễn Văn Kiêm, 2019).



<sup>(4)</sup> Dự án VNM/ICCA-GSI/2017/05: Tăng cường năng lực bảo tồn tài nguyên rừng và đa dạng sinh học gắn với sinh kế bền vững cho cộng đồng dân tộc thiểu số ở khu bảo tồn sao la, Thừa Thiên Huế

Hộp 1: Thành lập, cơ chế vận hành và kết quả ban đầu của Quỹ PTSKCD xã Hương Nguyên

#### 1. Mục đích:

Quỹ PTSKCD do cộng đồng tự quản lý và sử dụng nhằm để phát triển sinh kế, tạo thu nhập cho người dân để giảm sự phụ thuộc vào tài nguyên rừng.

#### 2. Các bước thành lập:

Bước 1: Xác định nhu cầu thành lập.

Bước 2: Xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động.

Bước 3: Bầu Ban quản lý Quỹ chính thức và thông qua quy chế.

Bước 4: Đề trình lên chính quyền địa phương để ra quyết định.

Bước 5: Công bố quyết định thành lập.

#### 3. Quy định về vay vốn:

Vay ngắn hạn: 5 triệu đồng không quá 12 tháng; vay trung hạn: 10 triệu đồng không quá 24 tháng; mức lãi suất cho vay 0,4%/tháng, lãi trả hàng tháng; vốn gốc được trả một phần định kỳ hàng tháng hoặc trả trước thời hạn.

#### 4. Quy trình cho vay và thu hồi vốn vay:

Bước 1: Hộ vay vốn lập kế hoạch sản xuất và đơn xin vay vốn.

Bước 2: Trưởng nhóm vay vốn tiếp nhận hồ sơ và bình xét thành viên vay vốn.

Bước 3: BQL Quỹ PTSKCD giải ngân và giám sát việc sử dụng vốn vay.

Bước 4: Thu hồi vốn vay và tiền lãi, thành viên vay vốn hoàn trả gốc vốn vay và tiền lãi theo hợp đồng vay vốn thông qua trưởng nhóm.

Hàng tháng Nhóm vay vốn tổ chức sinh hoạt chia sẻ kinh nghiệm, thu hồi vốn và lãi vay, xét chọn hộ vay mới.

#### 5. Sử dụng tiền lãi từ hoạt động cho cộng đồng vay vốn:

- Chi 40% hỗ trợ các trường nhóm vay vốn;

- Chi 30% hỗ trợ các thành viên BQL Quỹ PTSKCD;

- Chi 20% chi tổ chức họp, văn phòng phẩm và mua sắm trang thiết bị của BQL Quỹ PTSKCD;

- Chi 10% lãi bổ sung nguồn vốn cho vay.

#### 6. Kết quả ban đầu:

3 hộ vay trồng lúa, 7 vay chăn nuôi bò (hiện tại con bò của 7 hộ đang phát tốt, có 2 hộ bò đang mang thai); tỷ lệ thu hồi vốn vay đạt: 21%; tỷ lệ tiền lãi thu đạt: 100%; đang xúc tiến lập hồ sơ để tiếp tục giải ngân cho 17 hộ vay chăn nuôi bò.

### 3.1.2 Quỹ PTSKCD của 12 thôn, xã Tà Ngài Chỗ, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai (Quỹ PTSKCD xã Tà Ngài Chỗ)

Từ năm 2016 xã Tà Ngài Chỗ với sự giúp đỡ của Dự án UNDP-GEF/SGP đã xây dựng trình UBND huyện thành lập Quỹ PTSKCD cho 12 thôn của xã Tà Ngài Chỗ trên cơ sở nguồn vốn ban đầu của Dự án UNDP-GEF/SGP là 150 triệu đồng. Địa phương bố trí 87,2 triệu đồng vào Quỹ từ nguồn ngân sách bảo vệ rừng. Nhận thức được lợi ích và trách nhiệm, người dân huy động 150 triệu đồng từ tiền DVMTR của cộng đồng góp vào quỹ. Đến nay, Quỹ PTSKCD của 12 thôn xã Tà Ngài Chỗ có 394,2 triệu đồng (Hầu Suấn Cùi, 2019). Với sự giúp đỡ của Dự án UNDP-GEF/SGP và Hội khoa học thuật lâm nghiệp, Chi hội phụ nữ các thôn vận động người dân 12 thôn của xã Tà Chài Ngõ cùng thống nhất thành lập Quỹ PTSKCD xã Tà Ngài Chỗ, xây dựng cơ chế vận hành Quỹ, tổ chức thực hiện tại 12 thôn với đạt kết quả đáng ghi nhận.



Hình 01: Bò của hộ gia đình bà Lê Thị Tuyên, thôn Giồng, xã Hương Nguyên, Huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế được mua từ vốn vay của Quỹ PTSKCD xã Hương Nguyên.

#### Hộp 02: Thành lập, cơ chế vận hành và kết quả ban đầu của Quỹ PTSKCD xã Tà Ngài Chỗ

##### 1. Mục đích:

Quỹ PTSKCD có mục đích phát triển sinh kế, tạo thu nhập cho người dân, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc xã Tà Ngài Chỗ góp phần bảo vệ và phát triển rừng, giảm sự phụ thuộc vào tài nguyên rừng.

##### 2. Các bước thành lập:

Bước 1: Họp toàn thôn triển khai, xin ý kiến về xây dựng quy chế hoạt động ban tự quản, quản lý quỹ, chi tiêu quỹ.

Bước 2: Xây dựng dự thảo qui chế hoạt động và chi tiêu của Ban Tự quản lâm nghiệp và Phát triển Sinh kế.

Bước 3: Họp thôn lần 2 xin ý kiến bản dự thảo.

Bước 4: Hoàn thiện bản dự thảo.

Bước 5: Họp thôn lần 3 xin ý kiến bản dự thảo lần 2.

Bước 6: Đề nghị UBND xã công nhận quy chế hoạt động và chi tiêu của Ban Tự quản lâm nghiệp và PTSK.

<sup>(5)</sup> Dự án Tăng cường năng lực cộng đồng thôn bản trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch nhằm hạn chế mất rừng và suy thoái rừng ở xã Tà Ngài Chỗ, huyện Mường Khương, Tỉnh Lào Cai.

##### 3. Quy định về vay vốn:

- Huy động vốn: Kinh phí DVMTR và hỗ trợ bảo vệ rừng của Nhà nước.
- Quy định về cho vay:

- Không lãi suất, có thu lại 30% vốn vay đối với xây dựng và thực hiện các mô hình trồng thử nghiệm những loại cây dược liệu dưới tán rừng, cây ăn quả đặc sản, cây rừng trồng ở nơi đất trống, đất sau nương rẫy, nhằm mục tiêu tìm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao phù hợp với vùng sinh thái.

- Vay có tính lãi và hoàn trả Quỹ: cho những hộ trong thôn có nhu cầu phát triển sinh kế chăn nuôi, trồng cây nông nghiệp ngắn ngày với định mức vay không quá 5 triệu đồng/hộ; lãi suất 5%/năm; thời hạn vay tối đa 1 năm.

- Trình tự, thủ tục cho vay

- Hồ sơ vay vốn: Phương án sử dụng vốn vay; Đơn xin vay vốn; Bản cam kết của hộ có xác nhận của UBND xã.

- Tổ thực thi KH BV&PRT thôn thẩm tra, trình Trưởng BQL Quỹ xem xét quyết định việc cho vay đối với từng phương án vay vốn

- Sau khi Hồ sơ vay vốn được Trưởng ban duyệt.

##### 4. Kết quả ban đầu:

- Mô hình lợn: Từ 10 con lợn nái ban đầu đã thực hiện chuyển 02 lượt cho các hộ tiếp theo nuôi.
- Mô hình gà: 1.000 con gà cấp cho 20 hộ thôn Thành Chư Pển; Kết thúc đợt 1 mỗi hộ đóng 200.000 đồng mua trứng ấp cung cấp giống cho hộ khác, thôn khác (sử dụng máy ấp trứng của dự án cấp).
- Mô hình ngô: 2 ha/10 hộ hỗ trợ 42 kg ngô, thu hoạch 11 tấn mỗi hộ nộp lại 500.000 đồng mua giống cho các hộ sau tiếp tục nhận hỗ trợ.



Hình 02: Mô hình nuôi gà và trồng ngô của hộ gia đình từ vốn vay của Quỹ PTSKCD xã Tà Ngài Chỗ

Nguồn: Hầu Suấn Cùi (2019)

### 3.1.3 Quỹ PTSKCD của thôn Tân Mỹ, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (Quỹ PTSKCD thôn Tân Mỹ).

Từ năm 2014 -2018, cộng đồng thôn Tân Mỹ đã nhận được hơn 516 triệu đồng tiền chi trả DVMTR từ khoản bảo vệ rừng, người dân thống nhất trích 7% số tiền này thành lập Quỹ PTSKCD thôn Tân Mỹ với mục đích cho các thành viên trong cộng đồng vay vốn phát triển các hoạt động sinh kế ngắn hạn, góp phần cải thiện thu nhập hộ gia đình. Đây là mô hình Quỹ do người dân tự thành lập và tự xây dựng cơ chế thực hiện như: tiêu chí cho vay phải là thành viên có tham gia bảo vệ rừng cộng đồng, uy tín trong thôn, ưu tiên hộ có hoàn cảnh khó khăn và có sức lao động, là nữ giới; hộ gia đình được vay phải trình bày được việc sử dụng tiền vay cho phát triển hoạt động sinh kế mang tính khả thi; vay vốn phát triển sản xuất quy mô nhỏ nên mức cho vay là từ 3-5 triệu đồng, thời gian vay từ 1 đến 2 năm, lãi suất 0,6%/tháng tương đương với lãi suất cho hộ nghèo vay vốn phát triển kinh tế của Ngân hàng chính sách xã hội (Đỗ Đình Khang, 2019). Đến nay đã có 23 lượt hộ vay với số tiền là 35 triệu đồng chủ yếu mua giống phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, kiên cố hóa chuồng trại chăn nuôi gia súc, trồng màu nông nghiệp, chuyển đổi nghề từ khai thác lâm sản trái phép, làm xưởng cưa bất hợp pháp, nay chuyển sang khai thác gỗ rừng trồng cho các hộ gia đình bán gỗ rừng trồng.



Hình 03: Phát triển chăn nuôi gia cầm của một hộ gia đình từ vốn vay của Quỹ PTSKCD thôn Tân Mỹ

Nguồn: Đỗ Đình Khang (2019)

### 3.1.4 Quỹ tín dụng vi mô tại xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (gọi tắt là Quỹ vi mô xã Yên Nhân).

Với hỗ trợ của Dự án Rừng và đồng bằng của USAID và Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa, Hội phụ nữ xã Yên Nhân tuyên truyền vận động nhân dân và tổ chức thành lập Quỹ tín dụng vi mô xã Yên Nhân với cơ chế: trích 15% tổng số tiền chi trả DVMTR và góp cổ phần, tạo thành nguồn vốn quay vòng cho chị em trong thôn vay để đầu tư phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống. Ban quản lý Quỹ do chị em phụ nữ thống nhất bầu ra, cùng xây dựng cơ chế và quy chế hoạt động. Hộp 03 cho thấy đây là Quỹ tín dụng vi mô do phụ nữ tự thành lập nhưng hoạt động



theo một nguyên tắc: **Tự nguyện, Tự chịu trách nhiệm, Bình đẳng, Minh bạch và Công bằng** nên đã có những kết quả rất đáng ghi nhận (Lương Thị Bình, 2019). Số tiền của Quỹ tăng lên nhanh, lợi tức từ cổ phần năm sau cao hơn năm trước, số người vay năm sau nhiều hơn năm trước và đầu tư vào sản xuất có hiệu quả, trả đúng hạn, hoàn vốn 100%.

### Hộp 03: Cơ chế vận hành Quỹ tín dụng vi mô xã Yên Nhân

#### 1. Các bước thành lập

- Bước 1: Hộp xã để giới thiệu về mô hình Quỹ tài chính vi mô.
- Bước 2: Tổ chức tham quan các mô hình thành công.
- Bước 3: Tổ chức các cuộc họp cộng đồng và thành lập Quỹ tiềm năng.
- Bước 4: Lập kế hoạch đào tạo cho Quỹ tiềm năng.
- Bước 5: Tổ chức đào tạo về thành lập và vận hành Quỹ.
- Bước 6: Tổng kết đánh giá mô hình thí điểm.

#### 2. Cơ chế vận hành:

Nguyên tắc: Tự nguyện; Tự chịu trách nhiệm; Bình đẳng; Minh bạch và Công bằng.

##### • Quy định về tiết kiệm:

- 15% tổng tiền DVMTR).
- Phát hành cổ phần. Mỗi thành viên được mua từ 1-5 cổ phần ở mỗi cuộc họp (mỗi tháng họp 02 lần). Giá trị của mỗi cổ phần sẽ do Quỹ đặt ra trên nguyên tắc đảm bảo người khó khăn nhất trong Quỹ cũng mua được 01 cổ phần/lần họp. Giá trị cổ phần không thay đổi trong cả chu kỳ hoạt động (01 năm).

##### • Quy định về cho vay:

- Chỉ thành viên tham gia vào Quỹ mới được xét duyệt vay vốn khi có yêu cầu
- Mức vốn vay tối đa của một thành viên không được 5 lần tổng số cổ phần thành viên đóng góp vào Quỹ.
- Thời hạn vay không quá 12 tháng. (lãi vốn vay do các thành viên trong Quỹ bàn bạc quyết định)
- Trả lãi theo tháng, gốc trả 01 lần khi hết thời hạn vay.

##### • Phân chia lợi nhuận:

- Phân chia lợi nhuận sẽ được tiến hành hàng năm vào cuộc họp cuối kỳ.
- Toàn bộ lợi nhuận thu được sẽ được chia đều trên tổng số cổ phần góp vốn.
- Số tiền các thành viên nhận được gồm: Gốc cổ phần và lãi được chia trên số cổ phần đóng góp trong năm.
- Tiền vốn từ Quỹ chung và lãi được chia từ nguồn vốn góp này sau khi trừ các chi phí sẽ được giữ lại, kết hợp với nguồn nhận được từ các năm sau để làm Quỹ quay vòng vốn trong Quỹ.

### 3.1.5 Tạo quỹ sinh kế từ nguồn chi trả DVMTR cho người tham gia bảo vệ rừng ở Gia Lai

359 hộ dân người Bahnar các làng Kon Hleng, Kon Ktonh, Kon Kring xã Kon Pne, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai nhận khoán quản lý bảo vệ 2.594 ha rừng của Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh. Toàn bộ diện tích rừng được hưởng tiền chi trả DVMTR. Năm 2018, được chi trả 762 triệu đồng. Từ nguồn chi trả DVMTR, các làng trích cho Quỹ Hỗ trợ phát triển sản xuất dành cho những hộ gia đình khó khăn nhất trong làng. Mỗi năm, mỗi làng giữ lại khoảng 50 triệu đồng từ nguồn chi trả DVMTR làm quỹ để cho các hộ khó khăn vay phát triển sản xuất. Theo từng năm, nguồn quỹ này



ngày càng tăng, suất cho vay sẽ nhiều hơn và số tiền cho người dân vay theo đó cũng được tăng lên. Ngoài việc cho vay, làng có phương án mua bò giao cho các hộ dân nuôi đến khi sinh được bê con thì chuyển cho hộ khó khăn khác tiếp tục nuôi. Xã đang triển khai nhiều tiểu dự án phát triển sinh kế cho người dân từ nguồn tiền DVMTR, đặc biệt là dự án trồng sa nhân tím dưới tán rừng. Bên cạnh việc tham gia bảo vệ rừng, những người tham gia nhóm hộ còn tận dụng tán rừng thưa trồng sa nhân tím trên diện tích 22,5 ha (Minh Nguyễn, 2018).



### 3.2. Bài học kinh nghiệm

Thực tiễn ở nhiều địa phương, nhất là từ sáng kiến và kinh nghiệm của 5 ví dụ trên đây cho thấy tuy chưa có quy định bắt buộc các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư sử dụng tiền DVMTR cho phát triển sinh kế, nhưng trên thực tiễn đã hình thành các mô hình với những kinh nghiệm quý về sử dụng tiền DVMTR thông qua hình thành và vận hành các quỹ phát triển sinh kế, cách làm hay ngày càng nhiều, nhiều nơi đã tạo ra được sinh kế bền vững có sự góp phần phát triển sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao đời sống qua đó làm giảm áp lực vào rừng, rừng được bảo vệ và phát triển tốt hơn. Từ đây có thể rút ra những bài học kinh nghiệm tốt, đó là:

- Sản xuất ngày càng phát triển và mở rộng ở nông thôn đang tạo ra nhu cầu vốn sản xuất ngày càng cao, trong khi các nguồn vốn khác hạn hẹp, người dân khó tiếp cận vốn tín dụng do đó tiền chi trả DVMTR cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư là một trong những nguồn tài chính tiềm năng cho phát triển sinh kế bền vững.
- Hỗ trợ của các chương trình, dự án phát triển về nguồn tài chính ban đầu, hỗ trợ kỹ thuật, tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức cho xây dựng quỹ PTSKCD, cách quản lý vận hành là rất quan trọng, như là một nền tảng, động lực để huy động các nguồn vốn khác, trong đó có nguồn tiền từ DVMTR.
- Người dân là trung tâm giữ vai trò chủ chốt trong quá trình ra quyết định xây dựng và vận hành hệ thống quỹ PTSKCD, đặc biệt là thành lập hệ thống tổ chức, quản lý quỹ; xây dựng cơ chế, quy chế; quá trình triển khai, kiểm tra, giám sát.
- Tạo lập một cơ chế đảm bảo công khai, minh bạch trong huy động, quản lý và sử dụng tiền DVMTR cho phát triển sản xuất thông qua Quỹ PTSKCD.
- Sự quan tâm và tham gia của chính quyền địa phương đảm bảo mặt pháp lý; các cơ quan đoàn thể, nhất là hội phụ nữ, đoàn thanh niên làm nòng cốt, đầu mối trực tiếp vào quản lý quỹ PTSKCD.

## 4 NHỮNG VẤN ĐỀ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Bên cạnh những kết quả tích cực đáng ghi nhận về cộng đồng sử dụng tiền DVMTR cho phát triển sản xuất thông qua Quỹ PTSKCD cũng còn một số vấn đề tồn tại cần phải giải quyết, đó là các khía cạnh về mặt pháp lý của các loại quỹ phát triển sinh kế cộng đồng; huy động tiền DVMTR của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư vào phát triển sản xuất thông qua Quỹ PTSKCD.

### 4.1 Những ví dụ từ cộng đồng

Hiện tại có 2 loại quỹ PTSKCD đó là Quỹ được Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập theo Nghị định 30/2012/NĐ-CP và Quỹ do cộng đồng tự thành lập có xác nhận của UBND cấp xã. Quỹ được Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập như trong trường hợp các Quỹ PTSKCD của xã Hương Nguyên, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế và xã Tả Ngài Chồ, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai được trình bày tại mục 3 đều có pháp nhân đầy đủ, trong khi Quỹ như các trường hợp của thôn Tân Mỹ, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; các làng Kon Hleng, Kon Ktonh, Kon Kring xã Kon Pne, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai không phải là pháp nhân. Trên thực tiễn, loại quỹ không phải là pháp nhân được thành lập nhiều, mỗi địa phương có những cách thành lập khác nhau, quản lý và vận hành theo quy định riêng. Những Quỹ không phải là pháp nhân, mặc dù được UBND cấp xã xác nhận nhưng không được pháp luật bảo hộ về thành lập hay giải thể, huy động vốn, cơ chế quản lý và phân phối lợi ích, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan; nguy cơ rủi ro cao khi xảy ra tranh chấp về pháp lý. Để các loại quỹ phải là pháp nhân, khuyến nghị về chính sách ở đây là:

**Thứ nhất**, đề nghị Bộ Nội vụ có thông tư hướng dẫn Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp xã quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 Nghị định 30/2012/NĐ-CP, trong đó hướng dẫn các loại hình quỹ; hướng dẫn rõ mỗi xã thành lập 1 Quỹ PTSKCD hoạt động trong phạm vi cấp xã hay có thể thành lập nhiều Quỹ PTSKCD ở các thôn hay cộng đồng hoạt động trong phạm vi cấp xã.

**Thứ hai**, trong trường hợp mỗi xã chỉ được phép thành lập 1 Quỹ PTSKCD xã và có các “Quỹ con” không có pháp nhân như trường hợp của xã Hương Nguyên và xã Tả Ngài Chồ nêu trên, đề nghị các đơn vị, chương trình, dự án tổ chức hỗ trợ một số địa phương nghiên cứu, thí điểm vận dụng Điều 3 Thông tư 02/2013/TT-BNV thành lập các “Quỹ con” là một pháp nhân trực thuộc Quỹ PTSKCD xã; tổng kết kết quả nghiên cứu thí điểm để và kiến nghị ban hành chính sách.

**Thứ ba**, đối với các xã chưa thành lập Quỹ PTSKCD cấp xã, nhưng hiện đang có các Quỹ tự thành lập như các trường hợp của xã Yên Nhân, thôn Tân Mỹ hay các làng Kon Hleng, Kon Ktonh, Kon Kring xã Kon Pne như trình bày tại mục 3, đề nghị UBND các tỉnh chỉ đạo các huyện, xã, cơ quan ban ngành của tỉnh giúp thành lập các Quỹ có đầy đủ pháp nhân.

## 4.2 Huy động, quản lý và sử dụng tiền DVMTR vào phát triển sản xuất thông qua Quỹ PTSKCD

Hàng năm, tiền DVMTR chi trả cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư khá lớn, tuy nhiên cộng đồng tự nguyện thống nhất trích từ 10-15% tiền DVMTR chi trả cho cộng đồng góp vào Quỹ PTSKCD, trong khi tiền DVMTR chi trả cho hộ gia đình và cá nhân vẫn được do mỗi gia đình tự quản lý và sử dụng chủ yếu phục vụ cho chi tiêu sinh hoạt, đầu tư cho sản xuất ít như trình bày tại mục 1. Để tiền chi trả DVMTR như là một nguồn vốn phát triển sinh kế bền vững, khuyến nghị chính sách tập trung vào:

**Thứ nhất,** Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn có văn bản chỉ đạo và hướng dẫn địa phương vận dụng các quy định hiện hành, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương:

- Để chi trả tiền DVMTR theo nhóm hộ, cộng đồng; cộng đồng chủ động sử dụng tiền chi trả DVMTR cho các hoạt động trực tiếp quản lý, bảo vệ rừng chung cho cả cộng đồng; dùng một phần tiền DVMTR hợp lý cho đầu phát triển sản xuất thông qua Quỹ PTSKCD qua đó người dân tăng thu nhập, ổn định đời sống, giảm áp lực vào rừng để bảo vệ và phát triển rừng tốt hơn;
- Để hỗ trợ, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân sử dụng tiền DVMTR vào phát triển sinh kế phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể của mỗi gia đình, cá nhân để tăng thu nhập và ổn định đời sống.



**Thứ hai,** Tổng cục Lâm nghiệp biên soạn và ban hành sổ tay hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền DVMTR chi trả cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư, trong đó hướng dẫn chi tiết cụ thể vận dụng các cơ chế, chính sách hiện hành; các trường hợp và điều kiện có thể chi trả theo nhóm hộ và cộng đồng; vận dụng các quy định để cộng đồng quyết định tỷ lệ phần trăm tiền DVMTR cho phát triển sản xuất thông qua Quỹ PTSKCD; hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh từ nguồn tiền chi trả DVMTR để sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

**Thứ ba,** UBND cấp tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, ban ngành của tỉnh, huyện, xã tổ chức thí điểm xây dựng mô hình Quỹ PTSKCD từ tiền DVMTR, tổng kết đánh giá; tham mưu trình UBND tỉnh ban hành cơ chế huy động tiền DVMTR góp vào Quỹ PTSKCD và quy chế thực hiện; hỗ trợ cộng đồng xây dựng Quỹ PTSKCD từ tiền DVMTR.

**Thứ tư,** Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban ngành của

tỉnh, huyện và xã triển khai thí điểm xây dựng mô hình Quỹ PTSKCD từ tiền DVMTR, tiến hành tổng kết đánh giá để tham mưu trình UBND tỉnh ban hành cơ chế huy động tiền DVMTR góp vào Quỹ PTSKCD và quy chế thực hiện; biên soạn tài liệu, hướng dẫn và giúp cộng đồng xây dựng Quỹ PTSKCD từ tiền DVMTR để người dân phát triển sản xuất, tăng thu nhập, ổn định đời sống, giảm áp lực vào rừng, từ đó bảo vệ và phát triển rừng tốt hơn.

**Thứ năm,** các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, chương trình, dự án phát triển tiếp tục nghiên cứu, hỗ trợ xã, cộng đồng thí điểm thành lập các Quỹ PTSKCD có đầy đủ pháp nhân như trình bày tại mục 4.1; hỗ trợ nguồn kinh phí ban đầu cho Quỹ PTSKCD; hỗ trợ kỹ thuật cho thành lập, cơ chế vận hành, tổ chức thực hiện và giám sát.



Chương trình tài trợ các dự án nhỏ (SGP) do Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) tài trợ và do Chương trình Phát triển LHQ thực hiện từ năm 1992 tại 125 nước nhằm hỗ trợ các hành động cấp cơ sở góp phần giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu. SGP hỗ trợ kỹ thuật và tài chính trực tiếp cho các Tổ chức xã hội, Tổ chức quần chúng với khoản tài trợ tối đa 50.000 USD. Các lĩnh vực tài trợ bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng bền vững, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, bảo vệ các vùng nước quốc tế, quản lý chất thải và hoá chất khó phân huỷ và quản lý đất bền vững. SGP đã triển khai ở Việt Nam từ năm 1999 với hơn 150 dự án trên 40 tỉnh thành của các nước.

## HUYỆN ĐOÀN A LƯỚI

Địa chỉ: Số 8 A Vầu, thị trấn A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 387 8291

## TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MIỀN TRUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 102 Phùng Hưng, Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 352 9749

Email: [office@crdvietnam.org](mailto:office@crdvietnam.org)

Website: [www.crdvietnam.org](http://www.crdvietnam.org)

## CHƯƠNG TRÌNH TÀI TRỢ CÁC DỰ ÁN NHỎ CỦA QUỸ MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU

Địa chỉ: 304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 24 385 00 150

Email: [gef-sgp-vietnam@undp.org](mailto:gef-sgp-vietnam@undp.org)

Website: [www.vn.undp.org](http://www.vn.undp.org) | [www.org.undp.org](http://www.org.undp.org)